

## CÔNG TY CP KHUÔN MẪU CHÍNH XÁC VÀ MÁY CNC

*Báo cáo Tài chính  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
đã được kiểm toán*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**  
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LIMITED (AASC)



Tòa số chính:  
Số 1 Lê Phong Hiểu - Hà Nội - Việt Nam.  
Tel: (84-4) 36249995  
Fax: (84-4) 36239973  
E-mail: aasc@hcm.com.vn  
Website: www.aasc.com.vn

Cổ chính tại TP Hồ Chí Minh:  
60 Trần Khánh Đức, Quận 1  
TP Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 36263796 / 7  
Fax: (84-8) 36239990  
E-mail: aasc@hcm@aasc.com.vn

Văn phòng tại Quảng Ninh:  
Cột 3, Đường Nguyễn Văn Cừ,  
TP Hạ Long - Quảng Ninh  
Tel: (84-20) 3627371  
Fax: (84-20) 3627372  
E-mail: aasc@qn@aasc.com.vn

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo Kiểm toán	4
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	5 - 19
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 19

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và máy CNC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và máy CNC được thành lập dưới hình thức góp vốn cổ phần của các thành viên là Viện máy và Dụng cụ công nghiệp, Công ty TNHH Thăng An, Công ty TNHH Thuận Hòa Tiên Phong tại văn bản thỏa thuận thành lập Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Dụng cụ thuộc ngày 22/02/2000. Ngày 28 tháng 3 năm 2004 Công ty TNHH Thăng An đã chuyển nhượng lại hết số cổ phần đóng góp vào Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và máy CNC là 3000 cổ phần cho Viện máy và Dụng cụ công nghiệp theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 26-05/HDCN.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6003600369 ngày 09 tháng 03 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13 tháng 3 năm 2008, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, lắp ráp máy công cụ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh khuôn mẫu chính xác cho ngành nhựa và gia công kim loại;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa kỹ thuật;
- Sản xuất, kinh doanh máy công cụ, máy điều khiển CNC;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, máy, các thiết bị công nghiệp và hàng cơ khí tiêu dùng;
- Sản xuất vật liệu mới nhám, nhựa composite.

Tra số chính của Công ty tại 216 đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Kim Quê	Chủ tịch HĐQT	
Ông Phạm Thị Chương	Ủy viên HĐQT	
Ông Nguyễn An Phong	Ủy viên HĐQT	
Ông Lương Phúc Thọ	Ủy viên HĐQT	(Bỏ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2008)
Ông Bùi Tuấn Thăng	Ủy viên HĐQT	

Các thành viên của Ban Giám đốc đi điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Thị Chương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thế Sơn	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 10 tháng 9 năm 2008)
Ông Đỗ Văn Hồ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên Ban kiểm soát

Bà Tạ Thị Ngọc Thanh	Trưởng ban
Ông Trịnh Quốc Bảo	Thành viên
Bà Đào Hà Thuý	Thành viên

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu có các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yêu cầu mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 02 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 18/2003/TT-BTC ngày 18/04/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

HÀ NỘI, ngày 10 tháng 02 năm 2008





SỐ 01/2009/BC.TC-AASC.KTV

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Báo cáo Tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và máy CNC*

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và máy CNC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và máy CNC được lập ngày 10 tháng 02 năm 2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 05 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; định giờ việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các số liệu và số liệu quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và máy CNC tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các bằng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2009

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)  
Phó Tổng Giám đốc

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Chứng chỉ KTV số: 0983/KTV

Kiểm toán viên

**Trần Thu Loan**  
Chứng chỉ KTV số: 0921/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2008	
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		17.845.248.225	18.884.756.611
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		390.549.371	373.638.333
111	1. Tiền	3	390.549.371	373.338.312
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
129	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.408.321.043	6.042.843.536
121	1. Phải thu khách hàng		8.282.755.687	6.028.607.246
122	2. Thuế trước cho người bán		288.001.063	124.688.407
123	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
124	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
125	5. Các khoản phải thu khác	4	17.912.890	18.066.876
129	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (*)		(131.348.587)	(131.348.587)
140	IV. Hàng tồn kho		8.964.244.529	9.886.632.168
141	1. Hàng tồn kho	5	9.038.850.236	9.886.332.168
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(83.805.707)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		72.225.288	88.691.638
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.691.531	25.899.317
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		70.623.757	62.797.321
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		7.838.275.802	9.448.304.120
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		7.518.631.118	9.177.960.362
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	7.518.631.118	9.177.960.362
222	- Nguyên giá		13.820.820.833	15.802.138.388
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.302.189.715)	(6.624.177.946)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		106.000.000	106.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		106.000.000	106.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		238.643.884	164.403.758
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	238.643.884	164.403.758
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>25.683.524.027</b>	<b>28.333.060.731</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>11.856.476.049</b>	<b>11.408.239.119</b>
310	I. Nợ ngắn hạn		11.773.364.329	11.365.608.246
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	8	7.084.177.600	7.478.839.261
312	2. Phải trả người bán		2.938.466.538	2.781.329.881
313	3. Người mua trả tiền trước		275.867.863	466.907.512
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	317.290.508	191.890.670
315	5. Phải trả người lao động		340.854.099	583.049.279
316	6. Chi phí phải trả	10	16.933.076	17.098.308
317	7. Phải trả với bộ		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	11	298.574.625	111.495.319
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		83.111.720	282.630.873
331	1. Phải trả dài hạn ngoài nước		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	12	61.621.000	238.975.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		21.690.720	13.655.873
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>13.824.139.376</b>	<b>13.604.840.612</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	13.812.989.733	13.612.499.117
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		13.823.090.000	13.823.090.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
416	6. Chính sách tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		39.699.470	18.890.295
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		710.291.263	390.318.822
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		11.238.443	2.432.695
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.238.443	2.432.695
432	2. Nguồn kinh phí		-	-
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>25.680.615.725</b>	<b>25.013.079.731</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mã số	Chỉ tiêu	Đơn vị đồng	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
1.	Tài sản thuế người			-	-
2.	Vết hư, hỏng báo nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược			-	-
4.	Nợ kho bãi đã xử lý			-	-
5.	Nợ tài lý các loại			-	-
6.	Dư toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Người lập báo

Nguyễn Thị Thuý Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thuý Hạnh

Lên ngày 30 tháng 02 năm 2009

Ngày đính



Phạm Thị Chương



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Năm 2008

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	28.989.173.608	22.849.303.954
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.989.173.608	22.849.303.954
11	4. Giá vốn hàng bán	15	25.040.369.196	20.193.543.194
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.948.804.444	2.655.760.760
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	68.022.968	62.277.230
22	7. Chi phí tài chính	17	1.179.281.442	547.180.323
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.032.935.407	331.335.324
24	8. Chi phí bán hàng		242.854.273	287.066.146
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.214.147.791	1.088.843.746
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		970.743.896	794.645.773
31	11. Thu nhập khác		40.101.679	33.280.439
32	12. Chi phí khác		45.311.807	56.581.527
40	13. Lợi nhuận khác		(5.210.128)	(23.301.088)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		974.533.668	771.344.685
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18	244.241.885	211.435.495
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>730.291.783</u>	<u>559.909.190</u>
70	18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu (*)	19	561	438

Người lập báo

Nguyễn Thị Thuý Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thuý Hằng



Phạm Thị Chương

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2008

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2008	2007
			VNĐ	VNĐ
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		27.808.421.279	20.214.682.609
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(21.095.826.047)		(17.027.212.226)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(2.495.770.246)		(1.998.962.275)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(981.422.287)		(259.612.216)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(202.672.296)		(182.284.678)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	4.483.262.201		9.121.726.226
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(8.804.931.126)		(2.649.779.748)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>711.821.778</b>	<b>5.967.999.618</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(66.064.262)	(30.829.800)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		40.612.800	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.241.112	11.400.000
29	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(44.852.250)</b>	<b>571.680</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ nhận hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		16.282.640.236	2.442.923.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(16.721.842.822)	(8.297.422.792)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(220.928.000)	(464.409.271)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(990.122.489)</b>	<b>(6.212.898.165)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>17.001.829</b>	<b>(244.967.147)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>373.828.232</b>	<b>618.505.479</b>
61	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>			
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>390.830.061</b>	<b>373.538.332</b>

Người lập báo

Nguyễn Thị Thuý Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thuý Hạnh



Các ngày 10 tháng 02 năm 2009

Giám đốc

Phạm Thị Chương

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thái sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và máy CNC được thành lập dưới hình thức góp vốn cổ phần của các thành viên là Việt máy và Dụng cụ công nghiệp, Công ty TNHH Thăng An, Công ty nhựa Thuận niên Tân Phong tại văn bản thỏa thuận thành lập Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Nhựa kỹ thuật ngày 22/02/2004. Ngày 28 tháng 5 năm 2004 Công ty TNHH Thăng An đã chuyển nhượng lại hết số cổ phần đóng góp vào Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và máy CNC là 5000 cổ phần cho Việt máy và Dụng cụ công nghiệp theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 56-65/HĐCN.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 256 Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh khuôn mẫu chính xác cho ngành nhựa áp phun của các phân nhựa kỹ thuật, sản xuất các phần nhôm, nhựa composite, máy công cụ và máy điều khiển CNC.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, lắp ráp máy công cụ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh khuôn mẫu chính xác cho ngành nhựa và gia công kim loại;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa kỹ thuật;
- Sản xuất, kinh doanh máy công cụ, máy điều khiển CNC;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, máy, các thiết bị công nghiệp và hàng cơ khí tiêu dùng;
- Sản xuất vật liệu mới nhôm, nhựa composite.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Kỷ kế toán, đơn vị tiền tệ và đơn vị trong kế toán

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

#### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 28/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tin hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.



**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị tự thấy có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khả năng tương tự.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-20 năm
- Máy móc, thiết bị	5-10 năm
- Phương tiện vận tải	7-10 năm
- Thiết bị văn phòng	3-5 năm

Khiêng dẩy chuyên sản xuất sản phẩm composit khấu hao được trích theo sản lượng sản xuất thực tế.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phần bù các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ tăng giảm chi phí đã được phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phát triển**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo tính chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chứng minh với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chính xác.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chứng minh đơn hàng/ hoặc số đơn hàng giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và tính bằng tiền Đương Căn đối kế toán là mệnh giá ghi giảm vào chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lãi khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội thi thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh lãi số sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trình lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tăng và các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro về lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đã được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có thể ràng buộc được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch trong cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp định giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đã kiểm tra và đúng  
Số tiền thuế phải nộp  
Số tiền thuế được thu hồi  
Số tiền thuế phải nộp  
Số tiền thuế được thu hồi

**3 . TIỀN**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt	66.803.963	91.314.450
Tiền gửi ngân hàng	323.743.406	281.723.882
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>390.547.371</b>	<b>373.038.332</b>

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HÀNG KHÁC**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Phải thu người lao động	-	7.197.342
Phải thu khác	17.912.880	10.809.128
<b>Cộng</b>	<b>17.912.880</b>	<b>18.006.470</b>

**5 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.134.822.952	3.674.760.543
Công cụ, dụng cụ	182.112.358	154.003.432
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.666.781.448	2.887.487.811
Thành phẩm	1.461.275.626	1.249.465.807
Hàng bán	308.204.389	314.834.492
Hàng gửi đi bán	121.553.279	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(83.803.737)	-
	<b>8.964.244.229</b>	<b>9.086.232.185</b>

**6 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	1.638.983.150	12.487.626.633	384.821.939	118.704.586	15.629.136.308
Số tăng trong năm	-	57.818.182	-	48.064.365	106.882.547
- Mua trong năm	-	37.818.182	-	48.064.365	85.682.547
- Đầu tư TSCĐ & thành	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	80.000.000	-	-	80.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	80.000.000	-	-	80.000.000
Số dư cuối năm	1.638.983.150	12.465.444.813	384.821.939	166.768.951	15.656.022.853
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	581.275.891	5.435.333.333	494.934.312	118.704.586	6.630.248.122
Số tăng trong năm	108.079.230	1.591.790.468	44.500.999	6.863.336	1.747.274.633
- Chi trả trong năm	108.079.230	1.187.780.469	44.500.999	6.863.336	1.747.274.633
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	37.232.222	-	-	37.232.222
- Thanh lý, nhượng bán	-	37.232.222	-	-	37.232.222
Số dư cuối năm	689.355.121	5.398.101.111	539.435.311	125.567.922	6.762.459.565
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	1.057.707.259	7.052.293.300	89.887.627	-	8.177.888.186
Tại ngày cuối năm	949.628.029	7.067.343.702	45.386.628	41.201.029	7.516.611.118

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đi dùng thử chấp, cần có đơn báo cáo khoản vay: 4.828.643.656
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đi khấu hao bằng vốn vay sử dụng: 578.931.458
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: \_\_\_\_\_
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: \_\_\_\_\_

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	294.034.384	154.311.258
Đưa về bán dở lâu dài	6.507.500	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>298.643.884</b>	<b>164.483.758</b>

8. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	7.424.177.600	7.108.819.281
- Vay ngắn hạn	5.159.177.600	6.078.819.281
- Vay dài chuyển khác	2.265.000.000	1.030.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	168.000.000	168.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.594.177.600</b>	<b>7.478.819.281</b>

Các khoản vay ngắn hạn

Số hợp đồng vay	Mục cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Đơn vị tính: VND		
				Tổng hạn mức cho vay	Số dư nợ gốc 31/12/2008	Số nợ gốc phải trả kỳ tới
01/2008/PTM-NHCTDD	Ngân hàng công thương		1 năm	10.000.000.000	4.277.438.302	4.277.438.302
	Cá nhân			2.065.000.000	63711,93 USD	63711,93 USD
					2.065.000.000	2.065.000.000

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	126.849.816	47.163.896
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	8.458.912	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	178.174.329	134.894.820
Thuế thu nhập cá nhân	3.608.231	9.821.914
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>317.291.288</b>	<b>198.894.626</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**10 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí phải trả khác		
Tiền điện phải trả	18.933.878	17.698.388
	<u>18.933.878</u>	<u>17.698.388</u>

**11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý		
Kinh phí công đoạn	22.990.858	16.807.832
Bảo hiểm xã hội	33.328.307	19.316.736
Bảo hiểm y tế	28.674.664	71.371
Các khoản phải trả, phải nộp khác	211.379.896	89.784.936
Cộng	<u>296.374.625</u>	<u>111.485.315</u>

**12 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay dài hạn		
- Vay ngắn hạn	61.621.000	238.973.000
Nợ dài hạn		
Cộng	<u>61.621.000</u>	<u>238.973.000</u>

Các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: VND

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Số nợ gốc phải trả kỳ	Phương thức đảm bảo
80/2007	NH Công Thương - CN Đồng Đa		3 năm	478.975.000	221.621.800	168.800.000	Phương thức bảo đảm bằng tài sản

**13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	13.623.668.688	38.899.295		488.812.895	13.516.812.668
Tăng vốn trong năm trước				339.908.190	339.908.190
Lãi trong năm trước				138.906.190	138.906.190
Tăng khác					
Giảm vốn trong năm trước				464.409.373	464.409.373
Giảm khác (Chỉ số tức)				454.409.177	454.409.177
Số dư cuối năm trước	<u>13.623.668.688</u>	<u>38.899.295</u>		<u>849.418.812</u>	<u>13.612.406.117</u>
Tăng vốn trong năm nay		20.719.173		730.291.263	751.010.438
Lãi trong năm nay				730.291.263	730.291.263
Tăng khác		20.719.173			20.719.173
Giảm vốn trong năm nay				598.518.822	598.518.822
Trả cổ tức				520.620.000	520.620.000
Phân phối quỹ				78.898.822	78.898.822
Số dư cuối năm nay	<u>13.623.668.688</u>	<u>59.618.468</u>		<u>761.291.263</u>	<u>13.812.986.733</u>

**b) Chỉ tiêu vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn góp của Nhà nước	6.642.000.000	31	6.642.000.000	31
Vốn góp của các đối tượng khác	6.281.000.000	49	6.281.000.000	49
- Dự pháp nhân năm 2007	500.000.000	0,0%	500.000.000	0,0%
- Dự thố nhân năm 2007	6.281.000.000	49,7%	6.281.000.000	49,7%
<b>Cộng</b>	<b>12.923.000.000</b>	<b>100</b>	<b>12.923.000.000</b>	<b>100</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	12.023.000.000	12.023.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	12.023.000.000	12.023.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	520.000.000	
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay		
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
- Cổ tức đã công bố trên cơ sở phân phối thông		
- Cổ tức đã công bố trên cơ sở phân bổ đặc		

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/QĐ-2009 ngày 12 tháng 3 năm 2009, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2008 là 5% trên số phần được nhận 2008).

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.202.200	1.202.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.202.200	1.202.200
- Cổ phiếu phổ thông	1.202.200	1.202.200
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.202.200	1.202.200
- Cổ phiếu phổ thông	1.202.200	1.202.200
- Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

10.000

**e) Các quỹ vào công ty**

- Quỹ đầu tư phát triển	59.606.470	34.899.299
- Quỹ dự phòng tài chính		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

**14. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2008	2007
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng	19.841.454.300	10.192.404.800
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.547.719.300	12.256.899.154
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
<b>Cộng</b>	<b>29.389.173.600</b>	<b>22.449.303.954</b>

**15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Giá vốn của hàng bán	16.502.823.043	9.818.881.400
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.037.546.113	10.134.558.734
<b>Cộng</b>	<b>24.540.369.156</b>	<b>19.953.440.134</b>

**16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.148.115	8.255.272
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tin phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.281.000	17.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.641.253	28.311.094
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	328.264
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	7.790.000
<b>Cộng</b>	<b>68.070.368</b>	<b>53.772.530</b>

**17 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Lãi tiền vay	1.052.933.407	313.333.535
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	121.382.666	6.893.122
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.643.369	1.190.796
Chi phí tài chính khác	-	8.554.872
<b>Cộng</b>	<b>1.179.959.442</b>	<b>930.972.325</b>

**18 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	244.241.885	311.438.495
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN nộp hình năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>244.241.885</b>	<b>311.438.495</b>

**19 . LỢI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lợi cơ bản trên cổ phiếu và tỷ phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau

	2008	2007
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận thuần sau thuế	730.291.263	339.906.190
Tên:		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi		-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	730.291.263	339.906.190
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.302.309	1.302.309
Lợi cơ bản trên cổ phiếu	561	438

**20 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2008	2007
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.732.636.979	11.613.173.664
Chi phí nhân công	3.260.623.434	2.612.854.066
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.738.879.892	1.780.254.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.279.682.823	696.408.131
Chi phí khác bằng tiền	627.837.827	466.319.733
<b>Cộng</b>	<b>25.439.667.955</b>	<b>16.568.100.429</b>

**21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**22 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mỗi quan hệ	2008	2007
		VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng			
- Phần máy và dụng cụ công nghiệp	Công ty mẹ	12.038.955.135	15.608.893.772
(Đại diện 50% vốn Nhà nước tại đơn vị)			

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mỗi quan hệ	2008	2007
		VNĐ	VNĐ
Phải thu			
- Phần máy và dụng cụ công nghiệp	Công ty mẹ	4.980.691.241	4.306.508.697

**23 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Người lập báo

Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 02 năm 2009  
Châu Đức

Nguyễn Thị Thuê Hằng

Nguyễn Thị Thuê Hằng

Phạm Thị Chương